

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TĨNH
TỈNH HÀ TĨNH**

Bản án số: 07/2024/HS-ST
Ngày: 31-01-2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Minh

Ông Nguyễn Sỹ Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thu Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2024/TLST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Phạm Tuấn A, sinh ngày 16/5/1997 tại huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã L, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố H, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Hồng T và bà Nguyễn Thị P; Có vợ: Hoàng Khánh H và 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 19/10/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại khoản 1 Điều 245 Bộ luật hình sự 1999 theo Bản án số 57/2018-HS-ST (đã chấp hành xong bản án và được xóa án tích); Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/10/2023 đến ngày 25/10/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn C đi khỏi nơi cư trú đến nay; *Có mặt*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê Văn D, sinh năm 1991; Trú tại: Phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; *Vắng mặt*

2. Anh Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1975; Trú tại: Số nhà F, đường H, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; *Vắng mặt*

3. Chị Lê Thị H1, sinh năm 1974; Trú tại: Số nhà A, ngõ A, đường L, tổ dân phố C, phường Đ, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; *Có mặt*

4. Chị Nguyễn Thị Khánh H2, sinh năm 1994; Trú tại: Số nhà H, đường H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; *Vắng mặt*

5. Anh Nguyễn Di N, sinh năm 2000; Trú tại: Thôn E, xã Q, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; *Vắng mặt*

6. Anh Nguyễn Tuấn A1, sinh năm 1977; Trú tại: Tổ dân phố B, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. (Chỗ ở hiện nay: Số nhà E, ngõ H đường N, khối phố T, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh); Nghề nghiệp: Lao động tự do; *Vắng mặt*

7. Chị Trần Thị N1, sinh năm 1989; Trú tại: Số nhà A, đường N, tổ dân phố D, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; *Có mặt*

8. Chị Đoàn Thị Vân A2, sinh năm 1974; Trú tại: Số nhà A, đường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; *Vắng mặt*

9. Chị Võ Thị Minh T2, sinh năm 1985; Trú tại: Số nhà F, đường H, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; *Vắng mặt*

Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1960; Trú tại: Phường Đ, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; *Vắng mặt*

2. Chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 2005; Trú tại: Số nhà A, ngõ A, đường L, tổ dân phố C, phường Đ, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; *Có mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ tháng 10/2021 đến ngày 17/10/2023, trên địa bàn thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, Phạm Tuấn A đã cho anh Lê Văn D, anh Nguyễn Thanh T1, chị Lê Thị H1, chị Nguyễn Thị Khánh H2, anh Nguyễn Di N, anh Nguyễn Tuấn A1, chị Trần Thị N1, chị Đoàn Thị Vân A2 vay tiền để thu lãi với mức lãi suất từ 146% đến 182,5%/năm (gấp 7,3 lần đến 9,125 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự) để thu lợi bất chính. Việc thỏa thuận vay giữa Phạm Tuấn A và những người vay tiền thực hiện thanh toán lãi theo tháng, mỗi tháng tính 30 ngày và không thỏa thuận thời hạn thanh toán tiền gốc; mức lãi suất Phạm Tuấn A cho vay gấp trên 05 lần mức lãi suất cho vay tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự và thu lợi bất chính số tiền 130.131.300 đồng. Cụ thể như sau:

1. Đối với anh Lê Văn D:

Vào ngày 29/4/2023, anh Lê Văn D đến số nhà B ngõ A đường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh gặp Phạm Tuấn A hỏi vay số tiền 10.000.000 đồng, Tuấn A đồng ý cho vay và yêu cầu anh D phải trả lãi với mức lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với lãi suất 146%/năm. Mỗi tháng anh D thanh toán cho Tuấn A 1.200.000 đồng tiền lãi. Số tiền lãi phải chuyển trả vào các ngày cuối tháng, hoặc đầu tháng liền kề. Tuấn A cắt lãi tháng đầu tiên với số tiền là 1.200.000 đồng rồi sử dụng điện thoại di động Iphone 11 Promax gắn sim số 0941930999 vào ứng dụng Internet banking của

Ngân hàng M chuyển từ số tài khoản 789676789 mang tên PHAM TUAN ANH đến tài khoản ngân hàng B1 số 5203685555 mang tên LE VAN DUAN số tiền 8.500.000 đồng và đưa trực tiếp cho anh D 300.000 đồng. Đến ngày 05/10/2023, anh D đã thanh toán cho Tuấn A 06 tháng tiền lãi với số tiền 7.200.000 đồng. Số tiền gốc 10.000.000 đồng anh D chưa trả cho Tuấn A.

Đối với khoản vay trên, số tiền lãi tối đa theo quy định của pháp luật dân sự mà Phạm Tuấn A được phép thu là 986.300 đồng. Như vậy, số tiền mà Tuấn A đã thu lợi bất chính là 7.200.000 đồng – 986.300 đồng = 6.213.700 đồng.

2. Đối với anh Nguyễn Thanh T1:

Vào ngày 27/4/2023, anh Nguyễn Thanh T1 đến số nhà B ngõ A đường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh gặp Phạm Tuấn A hỏi vay số tiền 20.000.000 đồng, Tuấn A đồng ý cho vay và yêu cầu anh T1 phải trả lãi với mức lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với lãi suất 146%/năm. Mỗi tháng anh Nguyễn Thanh T1 thanh toán cho Tuấn A 2.400.000 đồng tiền lãi. Số tiền lãi phải chuyển trả vào các ngày cuối tháng, hoặc đầu tháng liền kề. Tuấn A yêu cầu anh T1 viết giấy vay tiền. Do anh T1 bị mất giấy chứng minh nhân dân nên đã lấy chứng minh nhân dân của vợ là chị Võ Thị Minh T2 đưa cho Tuấn A. Sau đó Tuấn A sử dụng điện thoại chuyển từ tài khoản ngân hàng M số 789676789 mang tên PHAM TUAN ANH đến tài khoản ngân hàng V số 0201000619548 mang tên NGUYEN THANH TUAN số tiền 20.000.000 đồng. Đến ngày 29/9/2023, anh T1 đã thanh toán cho Tuấn A 06 tháng tiền lãi với số tiền 14.400.000 đồng. Số tiền gốc 20.000.000 đồng anh T1 chưa trả cho Tuấn A.

Đối với khoản vay trên, số tiền lãi tối đa theo quy định của pháp luật dân sự mà Phạm Tuấn A được phép thu là 1.972.600 đồng. Như vậy, số tiền mà Tuấn A đã thu lợi bất chính là 14.400.000 đồng – 1.972.600 đồng = 12.427.400 đồng.

3. Đối với anh Nguyễn Tuấn A1:

Ngày 11/7/2023, anh Nguyễn Tuấn A1 đến gặp Phạm Tuấn A hỏi vay số tiền 20.000.000 đồng. Tuấn A đồng ý cho vay và yêu cầu anh Nguyễn Tuấn A1 phải trả lãi với mức lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với lãi suất 146%/năm. Mỗi tháng anh Nguyễn Tuấn A1 phải thanh toán cho Phạm Tuấn A 2.400.000 đồng tiền lãi. Số tiền lãi phải chuyển trả vào ngày 11 hàng tháng. Phạm Tuấn A yêu cầu anh Nguyễn Tuấn A1 viết giấy vay tiền rồi đưa cho anh Nguyễn Tuấn A1 số tiền 20.000.000 đồng. Đến ngày 13/10/2023, anh Nguyễn Tuấn A1 đã thanh toán cho Phạm Tuấn A 03 tháng tiền lãi với số tiền 7.200.000 đồng. Số tiền gốc 20.000.000 đồng anh Nguyễn Tuấn A1 chưa trả cho Phạm Tuấn A.

Đối với khoản vay trên, số tiền lãi tối đa theo quy định của pháp luật dân sự mà Phạm Tuấn A được phép thu là 986.300 đồng. Như vậy, số tiền mà Phạm Tuấn A đã thu lợi bất chính là 7.200.000 đồng - 986.300 đồng = 6.213.700 đồng.

4. Đối với chị Nguyễn Thị Khánh H2:

- Lần thứ nhất: Ngày 21/8/2023, chị Nguyễn Thị Khánh H2 hỏi vay Phạm Tuấn A số tiền 30.000.000 đồng, Tuấn A đồng ý cho vay và yêu cầu chị H2 phải trả lãi với mức lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với lãi suất 146%/năm. Mỗi tháng chị H2 phải thanh toán cho Tuấn A 3.600.000 đồng tiền lãi. Tuấn A cắt lãi trước

tháng đầu tiên với số tiền là 3.600.000 đồng rồi chuyển từ tài khoản ngân hàng M số 789676789 mang tên PHAM TUAN ANH đến tài khoản ngân hàng V số 9996777777 mang tên NGUYEN THI KHANH HUYEN của chị H2 số tiền 26.400.000 đồng. Đến ngày 20/9/2023, chị H2 đã chuyển trả số tiền gốc 30.000.000 đồng cho Tuấn A. Đối với khoản vay trên, số tiền lãi tối đa theo quy định của pháp luật dân sự mà Phạm Tuấn A được phép thu là 493.200 đồng. Như vậy, số tiền mà Tuấn A đã thu lợi bất chính là 3.600.000 đồng - 493.200 đồng = 3.106.800 đồng.

- Lần thứ hai: Ngày 20/9/2023, chị Nguyễn Thị Khánh H2 tiếp tục hỏi vay Phạm Tuấn A số tiền 30.000.000 đồng, Tuấn A đồng ý cho vay và yêu cầu chị H2 phải trả lãi với mức lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với lãi suất 146%/năm. Mỗi tháng chị H2 phải thanh toán cho Tuấn A 3.600.000 đồng tiền lãi. Tuấn A cắt lãi trước tháng đầu tiên với số tiền là 3.600.000 đồng rồi chuyển từ tài khoản ngân hàng M số 789676789 mang tên PHAM TUAN ANH đến tài khoản ngân hàng V số 9996777777 mang tên NGUYEN THI KHANH HUYEN của chị H2 số tiền 26.400.000 đồng. Đối với khoản vay trên, số tiền lãi tối đa theo quy định của pháp luật dân sự mà Phạm Tuấn A được phép thu là 493.200 đồng. Như vậy, số tiền mà Tuấn A đã thu lợi bất chính là 3.600.000 đồng - 493.200 đồng = 3.106.800 đồng.

Như vậy, tổng số tiền 02 lần Phạm Tuấn A cho chị Nguyễn Thị Khánh H2 vay là 60.000.000 đồng, Tuấn A đã thu lợi bất chính 6.213.600 đồng. Số tiền gốc đã thanh toán 30.000.000 đồng, còn 30.000.000 đồng chị H2 còn nợ Tuấn A chưa thanh toán.

5. Đối với chị Đoàn Thị Vân A2:

- Lần thứ nhất: Vào ngày 18/6/2022, chị Đoàn Thị Vân A2 hỏi vay Phạm Tuấn A số tiền 10.000.000 đồng, Tuấn A đồng ý cho vay và yêu cầu chị H2 phải trả lãi với mức lãi 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với lãi suất 182,5%/năm. Mỗi tháng chị Vân A2 phải thanh toán cho Tuấn A 1.500.000 đồng tiền lãi. Sau đó Tuấn A đưa cho chị Vân A2 số tiền 10.000.000 đồng. Hàng tháng, chị Vân A2 sử dụng tài khoản ngân hàng V1 số 109006998763 chuyển tiền đến tài khoản ngân hàng M số 789676789 mang tên PHAM TUAN ANH để trả lãi cho Tuấn A. Đến tháng 11/2022, chị Vân A2 đã thanh toán cho Tuấn A 04 tháng tiền lãi với số tiền 6.000.000 đồng. Số tiền gốc 10.000.000 đồng, chị Vân A2 đã trả cho Tuấn A. Đối với khoản vay trên, số tiền lãi tối đa theo quy định của pháp luật dân sự mà Phạm Tuấn A được phép thu là 657.500 đồng. Như vậy, số tiền mà Tuấn A đã thu lợi bất chính là 6.000.000 đồng - 657.500 đồng = 5.342.500 đồng.

- Lần thứ hai: Vào ngày 21/3/2023, chị Đoàn Thị Vân A2 tiếp tục hỏi vay Phạm Tuấn A số tiền 10.000.000 đồng, Tuấn A đồng ý cho vay và yêu cầu chị Vân A2 phải trả lãi với mức lãi 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với lãi suất 182,5%/năm. Mỗi tháng chị Vân A2 phải thanh toán cho Tuấn A 1.500.000 đồng tiền lãi. Tuấn A cắt lãi trước tháng đầu tiên với số tiền là 1.500.000 đồng rồi chuyển từ tài khoản ngân hàng M số 789676789 mang tên PHAM TUAN ANH đến tài khoản ngân hàng V1 số 109006998763 số tiền 8.500.000 đồng cho chị Vân A2. Đến tháng 9/2023, chị Vân A2 đã thanh toán cho Tuấn A 06 tháng tiền lãi với số tiền 9.000.000 đồng. Số tiền gốc 10.000.000 đồng, chị Vân A2 đã trả cho Tuấn A. Đối với khoản vay trên, số

tiền lãi tối đa theo quy định của pháp luật dân sự mà Phạm Tuấn A được phép thu là 986.300 đồng. Như vậy, số tiền mà Tuấn A đã thu lợi bất chính là 9.000.000 đồng – 986.300 đồng = 8.013.700 đồng.

Như vậy, tổng số tiền 02 lần Phạm Tuấn A cho chị Đoàn Thị Vân A2 vay là 20.000.000 đồng, Tuấn A đã thu lợi bất chính 13.356.200 đồng. Số tiền vay chị Vân A2 đã trả cho Tuấn A.

6. Đối với chị Trần Thị N1:

Ngày 27/6/2023, chị Trần Thị N1 hỏi vay Phạm Tuấn A số tiền 10.000.000 đồng, Tuấn A đồng ý cho vay và yêu cầu chị N1 phải trả lãi với mức lãi 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với lãi suất 182,5%/01 năm. Mỗi tháng chị N1 phải thanh toán cho Tuấn A 1.500.000 đồng tiền lãi. Tuấn A chuyển từ tài khoản ngân hàng M số 789676789 mang tên PHAM TUAN ANH đến tài khoản ngân hàng V số 0201000623237 số tiền 10.000.000 đồng cho chị N1. Đến ngày 09/10/2023, chị Vân A2 đã thanh toán cho Tuấn A 03 tháng tiền lãi với số tiền 4.500.000 đồng. Số tiền gốc 10.000.000 đồng, chị N1 chưa trả cho Tuấn A.

Đối với khoản vay trên, số tiền lãi tối đa theo quy định của pháp luật dân sự mà Phạm Tuấn A được phép thu là 493.200 đồng. Như vậy, số tiền mà Tuấn A đã thu lợi bất chính là 4.500.000 đồng – 493.200 đồng = 4.006.800 đồng.

7. Đối với chị Lê Thị H1:

- Lần thứ nhất: Vào tháng 03/2022, chị Lê Thị H1 hỏi vay Phạm Tuấn A số tiền 15.000.000 đồng, Tuấn A đồng ý cho vay và yêu cầu chị H1 phải trả lãi với mức lãi 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với lãi suất 146%/năm. Mỗi tháng chị H1 phải trả cho Tuấn A 1.800.000 đồng tiền lãi. Tuấn A đưa trực tiếp cho chị H1 15.000.000 đồng. Từ tháng 04/2022 đến tháng 09/2023, chị H1 đã trả 18 tháng tiền lãi cho Tuấn A với số tiền 32.400.000 đồng. Đến tháng 9/2023, chị H1 trả 5.000.000 đồng tiền gốc nên số tiền lãi tháng 10/2023 chị H1 phải trả lãi cho Tuấn A là 1.200.000 đồng. Đến tháng 10/2023, chị H1 mới trả cho Tuấn A 1.000.000 đồng tiền lãi, thiếu 200.000 đồng. Tổng số tiền lãi chị H1 đã thanh toán cho Tuấn A trong 19 tháng là 33.400.000 đồng. Đối với khoản vay trên, số tiền lãi tối đa theo quy định của pháp luật dân sự mà Phạm Tuấn A được phép thu là 4.602.800 đồng. Như vậy, số tiền mà Tuấn A đã thu lợi bất chính là 33.400.000 đồng - 4.602.800 đồng = 28.797.200 đồng.

- Lần thứ hai: Vào tháng 05/2022, chị Lê Thị H1 do cần tiền nên nhờ chị Nguyễn Thị B (là chị chồng của H1) cùng đến gặp Phạm Tuấn A vay số tiền 15.000.000 đồng cho chị H1. Tuấn A đồng ý cho vay và yêu cầu phải trả lãi với mức lãi 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với lãi suất 146%/năm. Mỗi tháng phải trả cho Tuấn A 1.800.000 đồng tiền lãi. Số tiền lãi hàng tháng được chị H1 trả cho Tuấn A. Đến tháng 10/2023, chị H1 đã thanh toán cho Tuấn A 16 tháng tiền lãi với số tiền 28.800.000 đồng. Đối với khoản vay trên, số tiền lãi tối đa theo quy định của pháp luật dân sự mà Phạm Tuấn A được phép thu là 3.945.200 đồng. Như vậy, số tiền mà Tuấn A đã thu lợi bất chính là 28.800.000 đồng - 3.945.200 đồng = 24.854.800 đồng.

Như vậy, tổng số tiền 02 lần Phạm Tuấn A cho chị Lê Thị H1 vay là 30.000.000 đồng, Tuấn A đã thu lợi bất chính 53.652.000 đồng. Số tiền gốc chị H1 đã trả 5.000.000 đồng, còn 25.000.000 đồng chị H1 chưa trả cho Tuấn A.

8. Đối với anh Nguyễn Di N:

- Lần thứ nhất: Vào tháng 10/2021, anh Nguyễn Di N hỏi vay Phạm Tuấn A số tiền 5.000.000 đồng, Tuấn A đồng ý cho vay và yêu cầu anh N phải trả lãi với mức lãi 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với lãi suất 182,5%/năm. Mỗi tháng anh N phải trả cho Tuấn A 750.000 đồng tiền lãi. Tuấn A chuyển từ tài khoản ngân hàng M số 789676789 mang tên PHAM TUAN ANH đến tài khoản ngân hàng M số 888666789666 của anh Nguyễn Di N số tiền 5.000.000 đồng. Đến tháng 01/2022, anh N đã thanh toán cho Tuấn A 03 tháng tiền lãi 2.250.000 đồng. Đối với khoản vay trên, số tiền lãi tối đa theo quy định của pháp luật dân sự mà Phạm Tuấn A được phép thu là 246.600 đồng. Như vậy, số tiền mà Tuấn A đã thu lợi bất chính là 2.250.000 đồng - 246.600 đồng = 2.003.400 đồng.

- Lần thứ hai: Ngày 03/01/2022, anh Nguyễn Di N tiếp tục vay số tiền 5.000.000 đồng, Tuấn A đồng ý cho vay và yêu cầu anh N phải trả lãi với mức lãi 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với lãi suất 182,5%/năm. Sau đó Tuấn A gộp khoản vay thứ nhất và khoản vay thứ hai thành tổng số tiền vay 10.000.000 đồng và yêu cầu anh N mỗi tháng phải trả 1.500.000 đồng tiền lãi. Đến ngày 24/2/2022, anh N trả cho Tuấn A 02 tháng tiền lãi 3.000.000 đồng và đồng thời trả 5.000.000 đồng tiền gốc. Đến ngày 24/3/2022, Niên trả 750.000 đồng tiền lãi đồng thời trả 5.000.000 đồng số tiền gốc còn lại. Đối với khoản vay trên, số tiền lãi tối đa theo quy định của pháp luật dân sự mà Phạm Tuấn A được phép thu là 411.000 đồng. Như vậy, số tiền mà Tuấn A đã thu lợi bất chính là 3.750.000 đồng – 411.000 đồng = 3.339.000 đồng.

- Lần thứ ba: Ngày 29/3/2022, anh Nguyễn Di N tiếp tục hỏi vay Tuấn A số tiền 10.000.000 đồng. Tuấn A đồng ý cho vay và yêu cầu anh N phải trả lãi với mức lãi 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với lãi suất 182,5%/năm. Mỗi tháng anh N phải trả cho Tuấn A 1.500.000 đồng tiền lãi. Tuấn A đưa cho anh N 10.000.000 đồng. Đến 31/01/2023, anh N đã thanh toán cho Tuấn A 10 tháng tiền lãi 15.000.000 đồng. Số tiền vay anh N đã trả cho Tuấn A. Đối với khoản vay trên, số tiền lãi tối đa theo quy định của pháp luật dân sự mà Phạm Tuấn A được phép thu là 1.643.800 đồng. Như vậy, số tiền mà Tuấn A đã thu lợi bất chính là 15.000.000 đồng – 1.643.800 đồng = 13.356.200 đồng.

- Lần thứ tư: Ngày 07/4/2023, anh Nguyễn Di N tiếp tục hỏi vay Tuấn A số tiền 10.000.000 đồng. Tuấn A đồng ý cho vay và yêu cầu anh N phải trả lãi với mức lãi 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với lãi suất 182,5%/năm. Mỗi tháng anh N phải trả cho Tuấn A 1.500.000 đồng tiền lãi. Tuấn A chuyển khoản số tiền 5.000.000 đồng và đưa trực tiếp 5.000.000 đồng cho anh N. Đến ngày 07/10/2023, anh N đã thanh toán cho Tuấn A 06 tháng tiền lãi 9.000.000 đồng. Số tiền vay anh N chưa trả cho Tuấn A. Đối với khoản vay trên, số tiền lãi tối đa theo quy định của pháp luật dân sự mà Phạm Tuấn A được phép thu là 986.300 đồng. Như vậy, số tiền mà Tuấn A đã thu lợi bất chính là 9.000.000 đồng – 986.300 đồng = 8.013.700 đồng.

- Lần thứ năm: Ngày 31/8/2023, anh Nguyễn Di N tiếp tục hỏi vay Tuấn A số tiền 10.000.000 đồng. Tuấn A đồng ý cho vay và yêu cầu anh N phải trả lãi với mức lãi 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với lãi suất 182,5%/năm. Mỗi tháng anh N phải trả cho Tuấn A 1.500.000 đồng tiền lãi. Tuấn A chuyển từ tài khoản ngân hàng M số 789676789 mang tên PHAM TUAN ANH đến tài khoản ngân hàng M số 888666789666 của anh Nguyễn Di N số tiền 10.000.000 đồng. Đến ngày 22/9/2023, anh N đã thanh toán cho Tuấn A 01 tháng tiền lãi 1.500.000 đồng. Số tiền vay anh N chưa trả cho Tuấn A. Đối với khoản vay trên, số tiền lãi tối đa theo quy định của pháp luật dân sự mà Phạm Tuấn A được phép thu là 164.400 đồng. Như vậy, số tiền mà Tuấn A đã thu lợi bất chính là 1.500.000 đồng – 164.400 đồng = 1.335.600 đồng.

Như vậy, tổng số tiền 05 lần Phạm Tuấn A cho anh Nguyễn Di N vay là 40.000.000 đồng, Tuấn A thu lợi bất chính 28.047.900 đồng. Số tiền vay, anh N đã trả 20.000.000 đồng, còn 20.000.000 đồng chưa trả cho Tuấn A.

Về vật chứng: Thu giữ tại Nguyễn Tuấn A1 03 tờ giấy vay tiền, 02 quyển vở ghi; 01 chứng minh nhân dân số mang tên Võ Thị Minh T2, 01 căn cước công dân mang tên Lê Văn D, 01 căn cước công dân số mang tên Phạm Tuấn A; 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro gắn sim số 0941.930.999. Quá trình điều tra đã trả lại cho anh Lê Văn D 01 căn cước công dân, trả lại cho chị Võ Thị Minh T2 01 chứng minh nhân dân, trả lại cho Phạm Tuấn A 01 căn cước công dân. Đối với 03 tờ giấy vay tiền, 02 quyển vở ghi được chuyển kèm theo hồ sơ vụ án. Đối với 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro gắn sim số 0941.930.999 được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh xử lý theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn D, anh Nguyễn Thanh T1, chị Lê Thị H1, chị Nguyễn Thị Khánh H2, anh Nguyễn Di N, anh Nguyễn Tuấn A1, chị Trần Thị N1, chị Đoàn Thị Vân A2 yêu cầu bị cáo trả lại số tiền lãi thu vượt quá quy định của pháp luật. Quá trình chuẩn bị xét xử, bị cáo đã thanh toán đầy đủ cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và họ không yêu cầu gì thêm.

Bản cáo trạng số 07/CT-VKSTPHT ngày 09/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh truy tố bị cáo Phạm Tuấn Anh về tội “***Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự***” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như Bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố Phạm Tuấn A phạm tội “***Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự***”. Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt Phạm Tuấn A từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201; khoản 2,3 Điều 35 Bộ luật Hình sự phạt bổ sung phạt tiền Phạm Tuấn A từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Ngoài ra còn đề nghị về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng.

Tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2021 đến ngày 17/10/2023 trên địa bàn thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, Phạm Tuấn A đã cho vay tổng số tiền 210.000.000 đồng với mức lãi suất từ 146%/năm đến 182,5%/năm (các khoản cho vay lãi suất đều cao gấp trên 5 lần của mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật Dân sự); tổng số tiền lãi mà Phạm Tuấn A đã thu là 149.200.000 đồng, trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định pháp luật là 19.068.700 đồng (20%/năm), cụ thể việc cho vay: Phạm Tuấn A đã cho anh Lê Văn D vay số tiền 10.000.000 đồng, thu lợi bất chính 6.213.700 đồng; cho anh Nguyễn Thanh T1 vay số tiền 20.000.000 đồng, thu lợi bất chính 12.427.400 đồng; cho anh Nguyễn Tuấn A1 vay số tiền 20.000.000 đồng, thu lợi bất chính 6.213.700 đồng; cho chị Nguyễn Thị Khánh H2 vay 02 lần với số tiền 60.000.000 đồng, thu lợi bất chính 6.213.600 đồng; cho chị Đoàn Thị Vân A2 vay 02 lần với số tiền 20.000.000 đồng, thu lợi bất chính 13.356.200 đồng; cho chị Trần Thị N1 vay số tiền 10.000.000 đồng, thu lợi bất chính 4.006.800 đồng; cho chị Lê Thị H1 vay 02 lần với số tiền 30.000.000 đồng, thu lợi bất chính 53.652.000 đồng; cho anh Nguyễn Di N vay 05 lần với số tiền 40.000.000 đồng, thu lợi bất chính 28.047.900 đồng. Tổng số tiền Phạm Tuấn A đã thu lợi bất chính từ việc cho vay tiền là 130.131.300 đồng. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội **“Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”** quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung *“thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên”*.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, đã trả lại cho người vay toàn bộ tiền lãi thu vượt quá nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét bị cáo từng bị kết án về tội “Gây rối trật tự công cộng” nhưng có vai trò thứ yếu, đã được xóa án tích, tính đến lần phạm tội này đã nhiều năm, lần phạm tội này thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự,

có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp.

[4] **Về hình phạt bổ sung:** Cần áp dụng khoản 3 Điều 201; khoản 2, 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Xét luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng pháp luật, về mức án đề nghị là thỏa đáng.

[6] **Về trách nhiệm dân sự:** Bị cáo đã trả lại số tiền lãi bị cáo thu vượt quá quy định pháp luật cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Văn D 6.213.700đ, anh Nguyễn Thanh T1 12.427.400 đồng, anh Nguyễn Tuấn A1 6.213.700 đồng, chị Nguyễn Thị Khánh H2 6.213.700 đồng, chị Đoàn Thị Vân A2 13.356.200 đồng, chị Trần Thị N1 4.006.800 đồng, chị Lê Thị H1 53.652.000 đồng, anh Nguyễn Di N 28.047.900 đồng. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu gì thêm nên miễn xét.

[7] **Về biện pháp tư pháp:**

- Đối với số tiền gốc 210.000.000đ mà bị cáo dùng để cho vay, gồm: cho anh Lê Văn D vay 10.000.000 đồng, cho anh Nguyễn Thanh T1 vay 20.000.000 đồng, cho anh Nguyễn Tuấn A1 vay 20.000.000 đồng, cho chị Nguyễn Thị Khánh H2 vay 60.000.000 đồng, cho chị Đoàn Thị Vân A2 vay 20.000.000 đồng, cho chị Trần Thị N1 vay số tiền 10.000.000 đồng, cho chị Lê Thị H1 vay 30.000.000 đồng, cho anh Nguyễn Di N vay 40.000.000 đồng, là công cụ phương tiện phạm tội, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Tịch thu tại bị cáo số tiền gốc người vay đã trả cho bị cáo là 75.000.000 đồng (gồm: tiền gốc cho chị H2 số tiền 30.000.000 đồng, chị Vân A2 20.000.000 đồng, anh N 20.000.000 đồng, chị H1 5.000.000 đồng). Tịch thu tại người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền gốc chưa trả cho bị cáo là 135.000.000 đồng gồm: truy thu tại anh Lê Văn D 10.000.000 đồng, anh Nguyễn Thanh T1 20.000.000 đồng, anh Nguyễn Tuấn A1 20.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị Khánh H2 30.000.000 đồng, chị Trần Thị N1 10.000.000 đồng, chị Trần Thị H3 25.000.000 đồng, anh Nguyễn Di N 20.000.000 đồng.

- Đối với số tiền 19.068.700 đồng là tiền lãi mà bị cáo thu của người vay không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, gồm: T3 của anh D 986.300 đồng, anh T1 1.972.600 đồng, anh Nguyễn Tuấn A1 986.300 đồng, chị H2 986.400 đồng, chị Vân A2 1.643.800 đồng, chị N1 493.200 đồng, chị H3 8.548.000 đồng, anh N 3.451.500 đồng, là khoản tiền phát sinh từ việc bị cáo phạm tội mà có, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

Tổng cộng tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: số tiền 94.068.700 đồng tại bị cáo Phạm Tuấn A, 10.000.000 đồng tại anh Lê Văn D, 20.000.000 đồng tại anh Nguyễn Thanh T1, 20.000.000 đồng tại anh Nguyễn Tuấn A1, 30.000.000 đồng tại chị Nguyễn Thị Khánh H2, 10.000.000 đồng tại chị Trần Thị N1 25.000.000 đồng tại chị Trần Thị H3, 20.000.000 đồng tại anh Nguyễn Di N.

[8] **Về xử lý vật chứng:**

- 03 tờ giấy vay tiền, 02 quyển vở ghi là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên căn cứ khoản 1 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

- 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro max thu giữ tại bị cáo là công cụ, phương tiện phạm tội, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- 01 thẻ sim số 0941930999 không còn giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

[9] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố: Phạm Tuấn A phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

Xử phạt Phạm Tuấn A 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Phạm Tuấn A cho UBND phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự.

Căn cứ khoản 3 Điều 201; khoản 2, 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bổ sung phạt tiền Phạm Tuấn A 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*).

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền số tiền 94.068.700 đồng tại bị cáo Phạm Tuấn A, 10.000.000 đồng tại anh Lê Văn D, 20.000.000 đồng tại anh Nguyễn Thanh T1, 20.000.000 đồng tại anh Nguyễn Tuấn A1, 30.000.000 đồng tại chị Nguyễn Thị Khánh H2, 10.000.000 đồng tại chị Trần Thị N1 25.000.000 đồng tại chị Trần Thị H3, 20.000.000 đồng tại anh Nguyễn Di N.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro max.
- Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ sim số 0941930999
- Tịch thu lưu hồ sơ vụ án 03 tờ giấy vay tiền, 02 quyển vở ghi.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Phạm Tuấn A phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Bị cáo, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ. (Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Tư pháp Hà Tĩnh;
- VKSND TP Hà Tĩnh;
- THADS TP Hà Tĩnh;
- Công an TP Hà Tĩnh; THAPT;
- Bị cáo; NLQ;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Huyền

